TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **140**/2017/DS-PT Ngày: 13/12/2017 V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Thiên Hương.
2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu.

Th1 ký phiên tòa: Ông Mai Thuận – Th1 ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 228/2017/QĐ-PT ngày 10/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2017/QĐST-DS ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Dạ Th, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: 15 Phan Đăng Lưu, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Bà Lê Thị Anh Th1, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: 32 Trần Hưng Đạo, phường Phước Hội, thị xã La Gi, Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Mông Tiến Hùng, sinh năm 1970 (chồng bà Th).

Địa chỉ: 15 Phan Đăng Lưu, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện ủy quyền: Bà Phan Dạ Th, sinh năm 1975 (vợ ông Hùng – theo văn bản ủy quyền số 02763 ngày 21/6/2017).

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Anh Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đồng thời là đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Phan Dạ Th trình bày: Vào năm 2016 do cần vốn kinh doanh đầu tư làm ăn nên bà Th1 có vay tiền của vợ chồng bà Th gồm 05 đợt, cụ thể thời gian và số tiền vay từng đợt không nhớ, hai bên thỏa thuận bằng miệng (lời nói) lãi suất vay tính theo lãi ngân hàng, thời gian thanh toán nợ khoảng 01 đến 02 tháng. Sau này bà Th biết bà Th1 vay nợ của ngân hàng và nhiều người khác, vì vậy bà Th gặp bà Th1 yêu cầu thu hồi vốn nhưng bà Th1 trả lời không có tiền. Vào ngày 02/4/2017 bà Th1 viết giấy xác nhận nợ 2,5 tỷ đồng, đồng thời có viết 02 giấy xác nhận thỏa thuận cho vợ chồng bà Th, trong đó bà Th1 xin trả dần mỗi tháng 20 triệu đồng nhưng bà Th không đồng ý, bà Th chỉ chấp nhận cho trả dần mỗi tháng 50 triệu đồng tính từ tháng 05/2017. Do bà Th1 không trả nợ theo cam kết nên bà Th khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà Th1 trả nợ số tiền gốc 2,5 tỷ đồng, đồng thời tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 02/4/2017 cho đến khi xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị Anh Th1 trình bày: Bà Th1 thừa nhận có lập giấy xác nhận nợ và lập giấy xác nhận thỏa thuận cho vợ chồng bà Th nhưng thực chất đó là nợ huê. Cụ thể bà Th1 chơi huê do bà Th làm thủ, bà Th1 chơi 05 dây huê (mỗi dây huê 50 triệu đồng, chỉ nhớ là dây huê bắt đầu vào năm 2016), mỗi dây 01 phần, bà Th1 đã hốt hết 05 dây huê với tổng số tiền nhận được là 3.666.000.000 đồng, sau đó mỗi tháng đều đậu tiền huê chết là 250 triệu đồng, đậu đến tháng 4/2017 thì ngưng vì không còn khả năng. Thời gian sau bà Th1 có gặp bà Th xin đậu huê dần hàng tháng từ 15 – 20 triệu đồng cho đến khi hết số nợ còn lại 2,5 tỷ đồng (trong đó có phần huê chết tính đến tháng 3/2018 và tiền lỗ huê 734.000.000 đồng) và được bà Th đồng ý nên bà Th1 viết giấy xác nhận là nợ vay, sau này bà Th đổi ý không cho trả dần. Trước khi mở phiên tòa bà Th1 có giao nộp cho Tòa án 01 giấy nháp xác nhận nợ đến ngày 02/4/2017; 04 tờ danh sách ghi thành viên huê và 04 tờ giấy lịch ghi chép nội dung chồng hốt huê (tất cả đều bản chính), tại phiên tòa hôm nay bà Th1 đề nghị Tòa án xem xét lại cho bà số tiền nợ 2,5 tỷ đồng, tức xin bớt bà Th 350 triệu đồng vì đây không phải tiền nợ vay mà là tiền nợ huê chết với lãi suất cao, còn lại 2.150.000.000 đồng bà Th1 xin trả dần mỗi tháng 15 triệu đồng và xin không tính lãi kể từ ngày xác nhận nợ đến nay.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 14/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đưa vụ án ra xét xử, tại bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Dạ Th.

Buộc bà Lê Thị Anh Th1 trả số tiền nợ **2.612.050.000 đồng** (hai tỷ sáu trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho vợ chồng ông Mông Tiến Hùng, bà Phan Dạ Th.

2/ Án phí: Bà Lê Thị Anh Th1 phải chịu **84.241.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Dạ Th **41.350.000 đồng** tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số: 0010339 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26/9/2017 bà Lê Thị Anh Th1 có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không tính lãi suất đối với số tiền gốc 2.500.000.000đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bà Th1 một phần tiền án phí theo đơn bà Th1 đã nộp cho Tòa án.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo cảu nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Anh Th1 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Anh Th1 trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét phúc thẩm.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch về tài sản là tiền giữa bà Th và bà Th1 được xác lập vào ngày 02/4/2017, tại thời điểm phát sinh tranh chấp chưa có án lệ để áp dụng, do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bà Th1 cho rằng số tiền 2.500.000.000đồng mà bà viết giấy xác nhận nợ với bà Th vào ngày 02/4/2017 thật ra đây là tiền nợ huê mà bà tham gia chơi trong 05 dây huê do bà Th là thủ huê; sau khi tham gia chơi huê thì bà Th1 đã hốt được số tiền huê của 05 dây hêu là 3.666.000.000 đồng, sau đó mỗi tháng bà Th1 phải có nghĩa vụ đậu tiền huê chết là 250triệu đồng, tuy nhiên đóng đến tháng 4/2017 thì ngưng vì không còn khả năng và bà lập giấy xác nhận số tiền nợ hêu cho bà Th là 2.500.000.000đồng, để chứng minh cho yêu cầu của mình bà Th1 cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm 04 tờ danh sách ghi thành viên huê và 04 tờ giấy lịch ghi chép nội dung chồng hốt huê (tất cả đều bản chính), sau khi kháng cáo bà Th1 cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm 01 đĩa ghi âm để khẳng định đây là nợ huê; tại phiên tòa hôm nay bà Th1 đề nghị Tòa án xem xét lại cho bà số tiền nợ 2,5 tỷ đồng là tiền hêu và bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không tính tiền lãi đối với số tiền nợ hêu còn lại là 2.500.000.000đồng.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Th được lập vào ngày 16/11/2017 thì bà Th không thừa nhận đây là nợ huê, bà Th cho rằng quan hệ giao dịch hêu giữa bà và bà Th1 đã chấm dứt và giao dịch huê đó không liện quan đến số tiền 2.500.000.000đồng mà bà Th đang khởi kiện bà Th1. Tại phiên tòa bà Th cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm 01 USB ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Th và bà Th1 để chứng minh số tiền 2.500.000.000đồng là tiền bà Th1 mượn của bà Th.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt là giấy xác nhận nợ lập ngày 02/4/2017 giữ bà Th1 và bà Th thì thấy rằng: Tại thời điểm lập giấy nhận nợ, bà Th1 có đầy đủ năng lực hành vi dân vị dân sự, bà Th1 không có chứng minh bà bị ép buộc lập giấy nhận nợ với bà Th, mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bà Th một lần nữa thừa nhận 04 tờ danh sách ghi thành viên huê và 04 tờ giấy lịch ghi chép nội dung chồng hốt huê (tất cả đều bản chính) do bà Th1 cung cấp hiện tại đã chấm dứt, giữa bà Th và bà Th1 không còn quan hệ giao dịch huê với nhau; riêng nội dung đoạn ghi âm do bà Th1 cung cấp cho Tòa án thì chỉ là tài liệu tham khảo và nội dung cuộc ghi âm không có nội dung nào liên quan đến số tiền huê; do vậy, có đủ cơ sở kết luận số tiền 2.500.000.000đồng trong giấy xác nhận nợ lập ngày 02/4/2017 là số tiền bà Th1 vay mượn của bà Th, trong giao dịch dân sự này giữa bà Th và bà Th1 có thỏa thuận số tiền giao dịch, lãi suất, nghĩa vụ trả nợ cho nên về mặt hình thức và nội dung cảu giao dịch là phù hợp với các quy định cảu pháp luật dân sự nên được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên sau khi giao dịch được ký kết, bà Th1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, cho nên bà Th khởi kiện yêu cầu bà Th1 phải trả số tiền 2.500.000.000đồng và lãi suất phát sinh theo lãi ngân hàng Nhà nước quy định là đúng theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Tại thời điểm hai bên xác lập giao dịch vay tài sản có thỏa thuận lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 thì trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 tại thời điểm trả nợ, mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS

2015 là 20%/năm, như vậy, cần buộc bà Th1 phải chịu lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) trên số tiền 2.500.000.000đồng.

Lãi suất được tính như sau: Từ ngày 02/4/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/9/2017) là 05 tháng 12 ngày x 0,83%/tháng x 2,5 tỷ đồng= **112.050.000 đồng.**

Như vậy, Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử buộc bà Th1 phải trả cho bà Th số tiền **2.612.050.000 đồng**, trong đó: Nợ gốc là 2.500.000.000 đồng**,** lãi suất là 112.050.000đồng là hoàn toàn đúng quy định tại các điều luật đã viện dẫn.

Xét thấy kháng cáo của bà Th1 không có sở sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Trong quá trình thụ lý phúc thẩm, ngày 14/11/2017 bà Lê Thị Anh Th1 có đơn xin miễn giảm tiền án phí sơ thẩm. Xét thấy đơn của bà Th1 thực hiện tại cấp phúc thẩm và không liên quan đến nội dung đơn kháng cáo của bà, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xét đơn của bà, vì vậy bà Th1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các phần khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nhưng không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Do kháng cáo của bà Th1 không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Th1 Anh Th1;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Dạ Th.

Buộc bà Lê Thị Anh Th1 trả số tiền nợ **2.612.050.000 đồng** (hai tỷ sáu trăm mười hai triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho vợ chồng ông Mông Tiến Hùng, bà Phan Dạ Th.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán, tương

ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Án phí: Bà Lê Thị Anh Th1 phải chịu **84.241.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi theo biên lai thu tiền số 0010439 ngày 05/10/2017. Bà Lê Thị Anh Th1 còn phải nộp **84.241.000đồng** tiền án phí.

Bà Phan Dạ Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Phan Dạ Th số tiền **41.350.000đồng** tạm ứng án phí đã thu theo biên lai số: 0010339 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/12/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND tỉnh Bình Thuận;*
- *TAND TX. La Gi;*
- *Chi cục THA TX. La Gi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA./*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN THANH